

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ GẠO
TỈNH TIỀN GIANG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **121/2019/DS-ST**

Ngày: 29/5/2019

V/v tranh chấp “*Hợp đồng
vay tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ GẠO

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Võ Thị Kim Loan**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Nguyễn Thị Kim Hằng**;

2. Ông **Nguyễn Văn Vẹn**;

- Thư ký phiên tòa: Bà **Phan Thủy Uyên** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Gạo tham gia phiên tòa:
Ông Phạm Minh Thanh – Kiểm sát viên.

Trong ngày 29 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 2 0/2019/TLST-DS ngày 03 tháng 01 năm 2018 về tranh chấp “*Hợp đồng vay tài sản*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 54/2019/QĐXXST-DS ngày 18 tháng 4 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 106/2019/QĐST-DS ngày 08 tháng 5 năm 2019, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* **LÊ THỊ CẨM V** – sinh năm 1982.

Địa chỉ: ấp T, xã Xuân Đông, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

2. *Bị đơn:* **TRẦN VĂN Q** – sinh năm 1967;

Địa chỉ: ấp T, xã Xuân Đông, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên Q:*

ĐÀO THỊ H – sinh năm 1967;

TRẦN THỊ NGỌC Q2 – sinh năm 1993;

TRẦN BÁ D – sinh năm 2004;

Đại diện hợp pháp của cháu D: **Đào Thị H** – sinh năm 1967 (mẹ ruột);

Cùng địa chỉ: ấp T, xã Xuân Đông, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

(Chị V có mặt, ông Q và bà H vắng mặt;

Chị Q2 có đơn đề nghị vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn chị Lê Thị Cẩm V trình bày:

Do quen biết nên ngày 30/5/2018 chị có cho ông Trần Văn Q vay số tiền 90.000.000 đồng, lãi suất 1%/tháng, thỏa thuận thời hạn vay là 03 tháng, mục đích vay là để mua ghe mới đi mua bán dừa, ông Q có viết và ký tên vào biên nhận. Đến ngày 30/8/2018 ông Q có vay thêm số tiền 15.000.000 đồng, lãi suất 1%/tháng, thỏa thuận thời hạn vay là 02 tháng, mục đích vay là do ông Q cần thêm vốn mua bán dừa, hai bên có lập biên nhận do ông Q ký tên.

Để làm tin, ông Q có đưa cho chị giữ bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa số 330, tờ bản đồ TTHC, diện tích 2.210m², sổ vào sổ 02469/Q2QSDĐ/số 582/QĐUB do Ủy ban nhân dân huyện Chợ Gạo cấp cho hộ ông Trần Văn Q ngày 21/3/2002.

Đến thời hạn trả nợ, ông Q không trả cho chị được khoản vốn lãi nào, hiện ông Q vẫn còn nợ chị số tiền 105.000.000 đồng. Chị khởi kiện yêu cầu ông Trần Văn Q trả cho chị số tiền 105.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi, trả một lần khi án có hiệu lực pháp luật. Chị sẽ trả lại cho ông Q bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 02469/Q2QSDĐ/số 582/QĐUB sau khi ông Q trả hết nợ cho chị.

Bị đơn ông Trần Văn Q và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đồng thời là người đại diện hợp pháp của Trần Bá D là bà Đào Thị H đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng cho ông Q, bà H nhưng ông Q, bà H không đến tòa án và cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại bản tự khai và biên bản hòa giải, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Trần Thị Ngọc Q2 trình bày:

Chị là con ruột của ông Trần Văn Q. Đối với việc ông Q vay tiền của chị V thì chị không biết. Đối với yêu cầu khởi kiện của chị V yêu cầu ông Q trả số tiền 105.000.000 đồng thì để ông Q và chị V tự giải quyết chứ chị không đồng ý trả thay. Đối với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có liên Q đến khoản vay thì chị không có ý kiến cũng không có tranh chấp gì, để cha chị và bà V tự giải quyết.

* Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; Thư ký, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều tuân thủ đúng quy định pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án, chị V yêu cầu ông Q trả số tiền 105.000.000 đồng là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét toàn diện chứng cứ và ý kiến của các đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Xét yêu cầu của nguyên đơn chị Lê Thị Cẩm V yêu cầu ông Trần Văn Q trả số tiền 105.000.000 đồng, do đó, Hội đồng xét xử xác định Q hệ pháp luật giữa các bên là “Hợp đồng vay tài sản”.

Bị đơn ông Trần Văn Q trú tại ấp T, xã Xuân Đông, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang. Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì thẩm quyền giải quyết vụ án là của Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo.

[2] Về tố tụng: Bà Đào Thị H, chị Trần Thị Ngọc Q2, Trần Bá D là vợ và con cùng chung hộ với ông Q nên Hội đồng xét xử xác định bà H, chị Q2, Bá D là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

Đối với bị đơn ông Trần Văn Q và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đào Thị H đồng thời là đại diện hợp pháp của Trần Bá D đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do, căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt đối với ông Q và bà H.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Trần Thị Ngọc Q2 xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị Q2 theo quy định tại khoản 1 điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy: chị V có cho ông Q vay số tiền tổng cộng là 105.000.000 đồng trên cơ sở tự nguyện, không có dấu hiệu đe dọa hay ép buộc. Thực tế hợp đồng đã được xác lập, ông Q đã nhận đủ tiền. Tuy nhiên, ông Q không trả nợ như thỏa thuận làm ảnh hưởng đến quyền lợi của chị V. Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình, chị V đã cung cấp cho Tòa án hai biên nhận nợ có chữ ký của ông Q, cụ thể như sau: biên nhận ngày 30/5/2018 và biên nhận ngày 30/8/2018 do ông Q viết và ký tên. Do đó, có đủ cơ sở xác định giữa chị V và ông Q đã xác lập một hợp đồng vay tài sản theo quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự.

Theo hai biên nhận nợ thì thời hạn trả nợ cuối cùng là ngày 30/10/2018 nhưng cho đến nay ông Q không trả tiền cho chị V là vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo quy định tại Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015. Phía ông Q đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng ông không đến Tòa án trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và vắng mặt tại phiên tòa cho thấy ông Q đã từ bỏ quyền chứng minh theo quy định tại khoản 4 Điều 91 của Bộ

luật tố tụng dân sự. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị V, buộc ông Q có trách nhiệm trả cho chị V số tiền 105.000.000 đồng.

Chị V không yêu cầu ông Q trả lãi đối với số tiền 105.000.000 đồng nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về thời gian trả: Chị V yêu cầu ông Q trả tiền ngay khi án có hiệu lực pháp luật. Xét việc ông Q nợ tiền đã lâu làm ảnh hưởng đến quyền lợi của chị V, nên Hội đồng xét xử buộc ông Q trả tiền cho chị V ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Hiện nay chị V đang giữ bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 02469/Q2QSĐĐ/số 582/QĐUB do Ủy ban nhân dân huyện Chợ Gạo cấp cho hộ ông Trần Văn Q ngày 21/3/2002. Chị V tự nguyện trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Q ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[4] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận đề nghị của Viện kiểm sát.

[5] Về án phí: do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.
- Căn cứ vào Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.
- Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Cẩm V.

Buộc ông Trần Văn Q có nghĩa vụ trả cho chị Lê Thị Cẩm V số tiền là 105.000.000 đồng (*Một trăm linh năm triệu đồng*), trả ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày chị V có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông Q không trả số tiền trên thì hàng tháng ông Q phải trả lãi theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả.

Ghi nhận sự tự nguyện của chị V là chị V trả lại cho ông Q bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 02469/Q2QSĐĐ/số 582/QĐUB do Ủy ban nhân dân huyện Chợ Gạo cấp cho hộ ông Trần Văn Q ngày 21/3/2002 ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Về án phí: Ông Trần Văn Q phải chịu 5.250.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn lại cho chị Lê Thị Cẩm V số tiền 2.625.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai số 0015576 ngày 02/01/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Gạo.

Báo đương sự có mặt biết được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TG ;
- VKSND huyện Chợ Gạo;
- C.c. THADS huyện CG;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Võ Thị Kim Loan